

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS-ST

Ngày 05-3-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hoàng Long.

2. Ông Lý Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Tri – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2015/TLST-DS ngày 19/10/2015 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai Thiện Nh (Có mặt), Bà Lê Mỹ Th (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp TP, xã TĐ, huyện C, thành phố C.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Nh bà Th: Ông Đỗ Vinh Q.

Là luật sư Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (Có mặt).

Địa chỉ: khu vực 11, phường C, quận ÔM, thành phố C.

Bị đơn: Ông Đỗ Văn G (Vắng mặt), Bà Ngô Lệ Th (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TX, xã TĐ, huyện C, thành phố C.

Chỗ ở hiện nay: Ấp ĐH, xã ThT, huyện T, thành phố C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Vũ H (Vắng mặt), ông Đỗ Vũ Ph (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TX, xã TĐ, huyện C, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án ông Nh, bà Th trình bày: Vợ chồng ông cho vợ chồng ông G và bà Th hỏi vay 600.000.000 đồng vào ngày 20/10/2014 để làm vốn mua bán lúa gạo, lãi 1%/tháng. Do ông bà đang làm thủ tục vay Ngân hàng nên đồng ý. Chiều cùng ngày ông bà đến Ngân hàng nhận tiền vay đồng thời cho ông G bà Th vay lại số tiền như đã thỏa thuận, việc vay này chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản. Sau khi vay ông G bà Th đóng lãi được 01 tháng 6.000.000 đồng, đến ngày 07/12/2014 ông G bà Th tuyên bố vỡ nợ và nan nỉ ông bà lấy ghe tải 45 tấn số hiệu TV4196 (Chủ phương tiện ông Nguyễn Văn Nh) mà ông bà đang sử dụng để bảo đảm số nợ vay trên. Đến ngày 08/12/2014 ông H, ông Ph (con ông G bà Th) chạy ghe đến giao ghe cùng giấy tờ chiếc ghe cho ông bà để giữ làm tin. Kể từ đó đến nay sau nhiều lần đòi nợ gốc, lãi nhưng ông G bà Th né tránh và trả lời rằng đã giao chiếc ghe trừ hết nợ gốc, lãi. Ông bà khởi kiện yêu cầu ông G, bà Th trả tiền vay 600.000.000 đồng và lãi 1%/tháng từ tháng 11/2014 đến ngày xét xử vụ án.

Ông G trình bày: Theo Biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2017 (Bút lục 71-72) ông G cho rằng không vay nợ ông Nh bà Th, chỉ đến khi bà Th (vợ ông) nói vỡ nợ và nợ ông Nh bà Th 400.000.000 đồng, lãi 12.000.000 đồng/tháng thì mới hay biết. Việc bà Th vay nợ để làm gì thì không báo, không nói cho ông hay biết vì ông chỉ lái ghe đi mua lúa, mọi việc làm ăn từ trong ra ngoài đều do bà Th tính toán, chi tiêu. Biết được bà Th có nợ nên vợ chồng ông có đến thỏa thuận giao ghe tải để trừ 400.000.000 đồng tiền nợ, khi giao ghe thì con ông Vũ Ph, Vũ H chạy ghe đến giao, khi giao thì không làm giấy tờ. Ông không đồng ý việc khởi kiện của ông Nh bà Th vì đã giao ghe tải khấu trừ hết nợ.

Trước khi khởi kiện tại Tòa án, ông Nh bà Th có đơn tố giác gửi Công an huyện Cờ Đỏ, quá trình xác minh giải quyết nguồn tin bà Th thừa nhận vay ông Nh bà Th 400.000.000 đồng, lãi 12.000.000 đồng/tháng, đóng lãi được mấy tháng thì không nhớ. Khi vay có làm biên nhận nợ, nhận tiền tại nhà bà Th (không nhớ thời gian nhận nợ). Khi vỡ nợ ông Nh bà Th có đến thỏa thuận, bà đề nghị lấy nền nhà hoặc ghe tải trừ nợ thì ông Nh bà Th chọn lấy ghe. Khi giao ghe thì bà Th xé giấy nợ và thỏa thuận giao ghe là trả hết nợ. Chiếc ghe bà mua của ông Nhàn vào năm 2013 giá 450.000.000 đồng, chưa làm thủ tục sang tên (Biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2015, bút lục 14-15). Ngoài ra còn lấy lời khai người làm chứng Đỗ Thị Tuyên (Biên bản ghi lời khai ngày 01/4/2015, bút lục 18).

Quá trình giải quyết tại Tòa án, ngày 06/4/2016 ông Nh không yêu cầu và từ chối tạm ứng chi phí thẩm định ghe tải TV4196 (Bút lục 43, 67). Ngày 16/7/2019 bà Th giao nộp bản gốc Giấy bán ghe tải 45 tấn số hiệu TV4196 cho ông Mai Văn S số tiền 40.000.000 đồng.

Diễn biến tại phiên tòa, ông Nh bà Th cho rằng ông bà cho vay 600.000.000 đồng nhưng do không làm giấy tờ vay (biên nhận vay tiền) nên không chứng minh được ông G, bà Th có vay số tiền trên nhưng căn cứ lời khai của bà Th tại Cơ quan Công an huyện Cờ Đỏ ngày 08/4/2015 (Bút lục 14-15) thừa nhận vay 400.000.000 đồng nên ông bà thay đổi một phần yêu cầu đối với số tiền khởi kiện ban đầu, yêu cầu ông G bà Th trả tiền vay 400.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng từ ngày 30/11/2014 đến ngày 05/3/2021; Bà Th là người hỏi vay tiền, nhận tiền nhưng thời điểm đó ông G có biết việc này nên vẫn xác định khởi kiện ông G, bà Th, sau khi vay đóng lãi được 02 tháng đầu tiên với số tiền 12.000.000 đồng. Khi bà Th báo vỡ nợ thì kêu gửi ông bà chiếc ghe lúa bán dùm, bán được bao nhiêu thì cản trừ, chưa đủ thì sẽ trả thêm nên ông bà kêu ký giấy nợ thì Th bỏ về.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nh, bà Th trình bày: Bà Th thừa nhận nợ 400.000.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nh, bà Th. Việc ông Nh, bà Th bán ghe lúa cho người khác là quan hệ pháp luật riêng, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác. Đối với người làm chứng bà T khai tại Cơ quan Công an huyện Cờ Đỏ vào ngày 01/4/2014 (thời điểm bà T cùng với ông Nh, bà Th có mặt tại nhà ông G, bà Th) ông G, bà Th giao ghe lúa cho ông Nh, bà Th để cản trừ nợ thì Tòa án chưa triệu tập làm rõ lời khai này. Luật sư và ông Nh, bà Th đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập bà Tuyên để làm rõ lời khai này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự: Giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký tòa án cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, Điều 93 đến Điều 97, 195, 196, và 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tuy nhiên vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa để làm rõ ông G, bà Th nợ ông Nh, bà Th 600.000.000 đồng hay 400.000.000 đồng và triệu tập bà T làm rõ lời khai của bà tại Cơ quan Công an huyện Cờ Đỏ vào ngày 01/4/2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nh, bà Th khởi kiện ông G, bà Th về việc vay tiền, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp để giải quyết hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông G, bà Th, ông Ph, ông H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Căn cứ lời trình bày của ông Nh bà Th, ông G bà Th xác định được giữa các ông bà có mối quan hệ vay tiền, có lãi, không có thời hạn theo quy định tại Điều 463, 668, 469 của Bộ luật Dân sự 2015. Lời khai ông G không thừa nhận cùng bà Th vay tiền của ông Nh bà Th. Bà Th không thừa nhận vay 600.000.000 đồng mà chỉ thừa nhận vay 400.000.000 đồng. Việc vay tiền không lập thành văn bản, ngoài lời trình bày của ông Nh bà Th thì không có văn bản, giấy tờ, tài liệu nào khác chứng minh ông G cùng bà Th vay của ông bà 600.000.000 đồng nên chỉ có bà Th vay tiền của ông bà, các quyền và nghĩa vụ phát sinh theo hợp đồng vay này là chỉ phát sinh giữa bà Th với ông Nh bà Th. Do đó, ông G không có quyền, nghĩa vụ đối với ông Nh bà Th, không phải là bị đơn trong vụ án này nên việc ông Nh bà Th khởi kiện ông G là không có căn cứ. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 ông Nh bà Th phải có nghĩa vụ chứng minh ông G bà Th vay 600.000.000 đồng nhưng không chứng minh được, tại phiên tòa ông bà chỉ yêu cầu ông G bà Th trả 400.000.000 đồng, căn cứ Điều 5, Khoản 2 Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu của ông bà đối với số tiền này của ông bà.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền vay: Cả ông Nh bà Th, bà Th đều xác định đã giao và nhận tiền vay. Khi bà Th vỡ nợ không có khả năng trả thì theo lời trình bày của bà Th, bà Tuyền (với tư cách là chủ nợ của bà Th, có mặt tại nhà ông G bà Th cùng thời điểm với ông Nh bà Th) tại cơ quan Công an huyện Cờ Đỏ ông Nh bà Th đã đến nhà ông G bà Th làm việc, qua làm việc có thỏa thuận cho ông G bà Th chọn lấy nền nhà hoặc lấy ghe để trừ nợ thì được ông Nh bà Th chọn lấy ghe. Sau đó con ông G bà Th đã chạy ghe đến giao cho ông bà, ông bà cũng đã nhận ghe và sau đó bán chiếc ghe này cho người khác. Hơn nữa, việc ông Nh bà Th cho rằng tạm giữ chiếc ghe để làm tin, bảo đảm khoản vay là không có căn cứ bởi lẽ ông bà không cung cấp được văn bản nào thể hiện, chứng minh việc lấy ghe tải để bảo đảm, làm tin. Nếu giữ tài sản để làm tin thì ông bà không có quyền bán tài sản đó cho người

khác trong khi chiếc ghe tải này ông bà đã bán lại cho ông Sơn. Bên cạnh đó, cần phải đề cập đến thói quen ở nhiều địa phương một khi xảy ra sự việc vỡ nợ thì chủ nợ đến đòi nợ và việc thỏa thuận giữ hoặc lấy tài sản được xem như cản trở nợ chứ không phải để làm tin. Như vậy, tại thời điểm có mặt tại nhà ông G bà Th làm việc, thỏa thuận ông Nh bà Th chọn lấy ghe tải 45 tấn số hiệu TV4196 để trừ nợ phù hợp với lời khai khách quan của bà Tuyền nên có căn cứ xác định bà Th đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho ông Nh bà Th theo quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

[5] *Về tư cách tham gia tố tụng của ông G, ông Ph, ông H trong vụ án:* Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào nội dung khởi kiện của ông Nh bà Th, Tòa án xác định ông G là bị đơn, ông Ph, ông H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng căn cứ lời khai của các đương sự và bà Tuyền có căn cứ xác định ông G, ông Ph, ông H không có tham gia vào việc vay tiền giữa bà Th với ông Nh bà Th. Trong toàn bộ diễn biến, xử lý việc vay tiền này ông Ph, ông H chỉ là người trực tiếp chạy ghe tải đến giao cho ông Nh bà Th nên chỉ có vai trò làm chứng, chứng kiến việc giao ghe tải này và việc giao ghe này một lần nữa chứng minh ông Nh bà Th nhận ghe để trừ nợ. Từ những phân tích, nhận định như trên có căn cứ xác định ông G không phải là bị đơn, ông Ph, ông H không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này nên ông G, ông Ph, ông H không phát sinh quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[6] Xét yêu cầu làm rõ lời khai của bà T: Trước khi khởi kiện tại Tòa án, ông Nh bà Th có đơn tố giác gửi Công an huyện Cờ Đỏ. Quá trình xử lý nguồn tin tố giác qua các biên bản ghi lời khai, trong đó có lời khai của bà Tuyền vào ngày 01/4/2014 bà Tuyền trình bày rõ, cụ thể sự việc mà bà chứng kiến tại thời điểm bà cùng với ông Nh, bà Th có mặt tại nhà bà Th để bàn bạc, xử lý việc nợ. Thời điểm đó qua trao đổi giữa bà với bà Th thì biết được bà Th là người cho bà Th vay tiền, sau đó chứng kiến, nghe thấy ông Nh bà Th không chọn nên nhà mà đồng ý chọn lấy ghe trừ nợ. Việc Công an huyện Cờ Đỏ ghi lời khai của bà Tuyền là đúng trình tự xác minh, xử lý nguồn tin tố giác và diễn ra trước khi ông bà khởi kiện ra Tòa án nên thấy rằng lời khai của bà Tuyền là khách quan, cụ thể, rõ ràng. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án ông Nh bà Th không có yêu cầu triệu tập nên xét thấy yêu cầu này không cần thiết, không được chấp nhận.

[7] Việc ông Nh bà Th bán ghe lại cho ông Sơn, xét đây là quan hệ pháp luật mua bán tài sản không liên quan đến tranh chấp vay tài sản này nên không xem xét. Trường hợp giữa ông S với ông Nh bà Th có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của ông Nh bà Th không có căn cứ chấp nhận nên ông bà phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm là 32.032.000 đồng đối với tổng số tiền

yêu cầu 700.800.000 đồng (Gồm nợ gốc 400.000.000 đồng + 300.800.000 đồng lãi suất 1% từ ngày 30.11.2014 đến ngày 05.3.2021). Xét hiện tại ông bà có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn được Ban nhân dân Ấp, Ủy ban nhân dân xã xác nhận nên Hội đồng xét xử thống nhất giảm 50% tiền án phí cho ông bà, số tiền còn lại phải chịu là 16.016.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2013/007823 ngày 19/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, ông bà phải nộp thêm 2.016.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 70, Khoản 2 Điều 71, các Điều 72, 73, Khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 463, Khoản 1 Điều 466, Điều 668, Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Thiện Nh, bà Lê Mỹ Th về việc khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn G, bà Ngô Lệ Th trả nợ vay gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 300.800.000 đồng.

Về án phí: Ông Mai Thiện Nh, bà Lê Mỹ Th phải chịu 16.016.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã xét giảm 50% theo đơn). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 14.000.000 đồng, ông bà phải nộp thêm 2.016.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Cờ Đỏ;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Thới Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ (TC: 12).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Mẫn